

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

_____*_*_*____

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

TƯƠNG ỚT VEDAN

TCCS 58/VDN/2020

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0251.3825111 **Fax:** 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 58/VDN/2020

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-lha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG ỚT VEDAN

2. Thành phần: Nước, ớt (15%), đường, chất làm dày (1422, 415, 466), muối I-ốt, chất điều vị (621), chất ổn định (452(i)), chất bảo quản (202), chất điều chỉnh độ acid (260), chất tạo ngọt nhân tạo (951), phẩm màu tổng hợp (150c, 124, 110), hương tỏi tổng hợp.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh): 270 g, 500 g, 830 g, 2,1 kg hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong túi nhôm (lớp nhôm tiếp xúc trực tiếp thực phẩm), chai nhựa PET, bình PET hoặc chất liệu bao bì khác theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Sản xuất tại: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YILIN VIỆT NAM.

Địa chỉ: Lô K4C, đường số 4, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam kinh doanh sản phẩm “Tương ớt Vedan” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:



- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (mục 6.8.3).
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.19, 2.31, 3.40, 4.16).
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.9, 2.11).
- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 17 tháng 11 năm 2020

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



NGUYỄN CHIH HAO



VEDAN

Tương ớt

Chili Sauce



SÀI GÒN
TIN DÙNG

Khối lượng tịnh
270 g

Cay tự nhiên

Hình thức sản phẩm	Sản xuất tại Việt Nam
Thành phần chính	Ớt tươi, muối ăn, đường, nước tương, gia vị thiên nhiên.
Thời hạn sử dụng	12 tháng kể từ ngày sản xuất.

VEDAN

Tương ớt

Chili Sauce



SÀI GÒN
TIN DÙNG

Khối lượng tịnh
270 g

Thành phần:
Mắm ớt 15%, đường 10%, ớt tươi 10%, muối ăn 5%, nước tương 5%, gia vị thiên nhiên 5%.

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng để nấu, ăn hoặc làm phụ gia cho các món ăn.

Hàng hóa bảo quản:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:
Không dùng cho người dị ứng với ớt.

TCS 18/04/2020
Tiêu chuẩn HACCP

Chăm là ghiền

Sản phẩm của:
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HÂN VEDAN VIỆT NAM
Quốc lộ 51, ấp Tân Phú, xã Phước Thới, huyện Long Thành,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HÂN VEDAN VIỆT NAM
Lô 54C, đường số 4, khu công nghiệp Lê Minh Xuân,
xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố
Hố Chí Minh, Việt Nam

NKĐ: Xem trên bao bì
HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Free Hotline:
1800 599 902



B*935102*410711

215mm

90mm

VEDAN

Tương Ớt

Chili Sauce

Mùi đặc biệt chuyên nghiệp
Sài Gòn

TIN DÙNG



Khối lượng tịnh
Net weight
500 g

Cay tự nhiên

VEDAN

Tương Ớt

Chili Sauce

Mùi đặc biệt chuyên nghiệp
Sài Gòn

TIN DÙNG



Khối lượng tịnh
Net weight
500 g

Chấm là ghiên

Thành phẩm
 Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Bộ Y tế (Bộ Y tế Việt Nam) và đạt chứng nhận HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Points) của Bộ Y tế Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng:
 Dùng để nấu, xào, trộn, ướp, hoặc dùng để ăn trực tiếp.

Hướng dẫn bảo quản:
 Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:
 Không sử dụng cho người mắc bệnh dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

TCS 56/VON/2020
Tiêu chuẩn HACCP

Sản phẩm của
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
 Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành,
 tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIN VIN VIỆT NAM
 Lô K4C, đường số 4, khu công nghiệp Lê Minh Xuân,
 xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố
 Hồ Chí Minh, Việt Nam

NSX: Xem trên bao bì
HSD: 12 tháng kể từ NSX

Free Hotline:
1800 599 902





85mm



242mm

70mm



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS

BN: 200825017

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Client name : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD

Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 200825017-1

Tên mẫu/ Name of Sample : Tương ớt VEDAN

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong chai nhựa/ Sample in plastic bottle

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm/ Food

Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 25 / 08 / 2020

Thời gian phân tích/ Time of analysis : 25 / 08 / 2020 - 30 / 09 / 2020

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 30 / 09 / 2020

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Test method
Trạng thái	Sản phẩm có dạng sệt, mịn, đồng nhất và không vón cục, không lẫn tạp chất			Cảm quan / Sensory
Màu sắc	Sản phẩm có màu cam đỏ			Cảm quan / Sensory
Mùi, vị	Sản phẩm có mùi thơm đặc trưng của tỏi và ớt, vị cay, mặn và chua nhẹ, không có mùi và vị lạ			Cảm quan / Sensory

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory



Tran Minh Thu

TL. Giám đốc

On behalf of director



MS. Trinh Thi Minh Nguyet

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS



BN: 200825017

Trang/ Page 1 / 2

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Client name : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD

Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 200825017-1

Tên mẫu/ Name of Sample : Tương ớt VEDAN

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong chai nhựa / Sample in plastic bottle

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food

Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 25 / 08 / 2020

Thời gian phân tích/ Time of analysis : 25 / 08 / 2020 - 30 / 09 / 2020

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 30 / 09 / 2020

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Test method
Sodium Polyphosphate (as P ₂ O ₅) (Sodium diphosphate và sodium triphosphate)	416	mg/kg		HD.TN.322:2019 (TK.TCVN 8471:2010) (*)
Melamine	KPH/ N.D	mg/kg	0.06	HD.TN.005 (CLG -MEL 1.01-LC/MS/MS)
Sorbate Potassium	993	mg/kg		HD.TN.068 (Ref. BS EN 15662:2018) (*)
Aspartame	146	mg/kg		HD.TN.322:2019 (TK.TCVN 8471:2010) (*)
Tro không tan trong HCl (Insoluble ash in HCl)	KPH/ N.D	g/100g	0.03	HD.TN.037 (AOAC 941.12) (*)
Aflatoxins B1	KPH/ N.D	mcg/kg	0.15	HD.TN.007 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (*)
Aflatoxins tổng số (B1,B2,G1,G2)	KPH/ N.D	mcg/kg	0.15 mỗi chất	HD.TN.007 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (*)
As (Arsen tổng) (Total Arsenic)	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.062 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Cd (Cadimi) (Cadmium)	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.062 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Hg (Thủy ngân) (Mercury)	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.062 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Pb (Chì) (Lead)	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.062 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)



- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty / The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS



BN: 200825017

Trang/ Page 2 / 2

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Client name : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD

Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 200825017-1

Tên mẫu/ Name of Sample : Tương ớt VEDAN

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong chai nhựa / Sample in plastic bottle

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food

Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 25 / 08 / 2020

Thời gian phân tích/ Time of analysis : 25 / 08 / 2020 - 30 / 09 / 2020

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 30 / 09 / 2020

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Test method
<i>Clostridium perfringens</i>	<10	CFU/g		TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004) (*)
<i>Coliforms</i>	<10	CFU/g		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007) (*)
<i>Escherichia coli</i>	0	MPN/g		TCVN 6846:2007 (ISO 7251:2005)
<i>Salmonella</i> spp.	Âm tính Negative	/25g		TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017) (*)
<i>Staphylococcus aureus</i>	<3	MPN/g		Ref. AOAC 987.09
Tổng số nấm men, nấm mốc (Yeast and Molds)	<10	CFU/g		TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008) (*)
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (Total plate counts)	<10	CFU/g		TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013) (*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS).

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (<10 CFU/g) khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa, nhỏ hơn 3MPN/g (<3 MPN/g) khi không có ống nghiệm nào cho kết quả dương tính.

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g (<10 CFU/g) when the dish contains no colony, less than 3 MPN/g (<3 MPN/g) when the presumptive test is negative.

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory



Tran Minh Thu



Giám đốc
Director

MS. Trần Thị Minh Nguyệt

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS



BN: 201006012

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Client name : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
Address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 201006012-1
Tên mẫu / Name of Sample : Tương ớt VEDAN
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong chai nhựa / Sample in plastic bottle
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food
Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 06 / 10 / 2020
Thời gian phân tích / Time of analysis : 06 / 10 / 2020 - 12 / 10 / 2020
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 12 / 10 / 2020

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Test method
Béo tổng (Fat total)	0.07	g/100g		HD.TN.023 (AOAC 996.06)(*)
Năng lượng (Calories)	69.0	Kcal/100g		Calculated Value (FAO,Food&Nutrition P. 77,2003)
Protein	0.86	g/100g		HD.TN.038 (Ref. AOAC 928.08) (*)
Total Carbohydrate	16.1	g/100g		Calculated Value (FAO,Food&Nutrition P. 77,2003)
Định tính Ponceau 4R	Dương tính Positive	mg/kg	10	HD.TN.326:2019 (Ref. TCVN 5517:1991) (*)
Định tính Sunset Yellow	Dương tính Positive	mg/kg	10	HD.TN.326:2019 (Ref. TCVN 5517:1991) (*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory



Tran Minh Thu



TL. Giám đốc
On behalf of director

MS. Trinh Thi Minh Nguyet

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS



BN: 201112021

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Client name : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
Address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 201112021
Tên mẫu/ Name of Sample : Tương ớt VEDAN
Mô tả mẫu/ Sample description : Tương ớt đựng trong chai nhựa / Chili sauce in plastic bottle
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 12 / 11 / 2020
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 12 / 11 / 2020 - 16 / 11 / 2020
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 16 / 11 / 2020

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Test method
Ochratoxin A	KPH/ N.D	mcg/kg	0.6	HD.TN.075 (Ref. Anal. Bioanal. Chem. (2010) 397, 765-776) (ii)(*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)

(ii) Phương pháp được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm và Thủy Sản (NAFIQAD) chỉ định./ The method is accredited by National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department (NAFIQAD)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory



Tran Minh Thu

TL. Giám đốc

On Behalf of director



MS. Trinh Thi Minh Nguyet